TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **118**/2020/HSST

Ngày 16 tháng 7 năm 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Dương Thị Sen**.

Các hội thẩm nhân dân: **1. Ông Phạm Chương Dương**

2. Bà Uông Thị Hoa

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Phạm Thu Hương** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận B, thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố H tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thanh -** Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố H, Tòa án nhân dân quận B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 87/2020/HSST ngày 01 tháng 6 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2020 đối với:

***** Bị cáo: **Trần Văn N**, sinh năm: 1993; Tên gọi khác: Không; ĐKNKTT: Số 1/81 phố B1, phường Ng, Thành phố N1, tỉnh N1; Nơi ở: Số 391 phố H1, phường L, quận B, thành phố H; Nghề nghiệp: Không; Văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Họ và tên bố: Trần Văn M (sinh năm: 1966); Họ và tên mẹ: Bùi Thị Kim D (sinh năm: 1966); Gia đình bị cáo có 2 chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: 01 tiền sự: Ngày 22/01/2018 UBND phường 11 quận V đưa đi cơ sở giáo dục, sau đó đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 15 tháng, về địa phương tháng 5/2019; Tiền án: không.

Bị cáo bị bắt ngày 09/01/2020. Bị cáo hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số I - Công an Thành phố H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:* **Chị Đào Lan H1**, sinh năm 1993

Trú tại: Số 23/4 phố Q, phường L, quận B, thành phố H.

Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. **Anh Lê Minh T**, sinh năm 1982; Trú tại: Xã C, huyện V1, tỉnh H2.

Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. **Bà Bùi Thị Kim D,** sinh năm 1966

Địa chỉ: Số 1/81 phố B1, phường Ng, thành phố N1, tỉnh N1.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn N và chị Đào Lan H1 (sinh năm: 1993; trú tại: 23/4 phố Q, phường L, quận B, thành phố H) có quan hệ tình cảm với nhau. Đầu tháng 01/2020 do mâu thuẫn trong tình cảm, chị H1 đơn phương chia tay, N không đồng ý và thường xuyên đến phòng trọ, nơi làm việc của chị H để níu kéo tình cảm, chị H1 không đồng ý và cố tình tránh mặt.

Khoảng 19h40’ ngày 06/01/2020, Trần Văn N một mình điều khiển xe máy Honda Wave RSX BKS 18B2-38310 đi từ nhà đến phòng trọ chị H1 ở số 23 ngõ 4 phố Q, phường L, quận B, thành phố H tìm chị H1 để nói chuyện. Khi đến nơi, N dựng xe trước nhà, nhưng không có chìa khóa vào nhà, N đứng đợi ngoài đường, một lúc sau có anh Nguyễn Văn C (cũng thuê trọ ở địa chỉ số 391 phố H1, phường L, quận B, thành phố H) đi làm về mở cửa, tranh thủ lúc này N đi vào nhà trọ, thấy chị H1 đang ngồi ăn tối trong phòng bếp tầng 1 cùng với chị Phùng Thị H2 (SN : 1992 ; HKTT : TDP phố Ph 3, xã Ph1, huyện B1, tỉnh L) cùng thuê trọ căn nhà trên, N đi đến gần và nói với chị H1 ‘‘*Em đi ra ngoài nói chuyện với anh’’*, chị H1 không đồng ý và nói « *Tao không ra’’* », N tiếp tục nhiều lần yêu cầu chị H1 ra ngoài nhưng không được. Khi chị H1 mang bát ra chậu rửa thì N đi theo và tiếp tục yêu cầu chị H1 đi ra ngoài nói chuyện nhưng chị H1 đều từ chối và quát : « *Đi ra ngoài, tao không có gì để nói với mày* ». Do bực tức, quan sát thấy trên mặt tủ bếp có 01 con dao (loại dao thái thịt), N dùng tay trái chộp lấy dao, rồi chuyển dao sang tay phải cầm, đồng thời tiến về phía chị H1, ép chị H1 lùi sát vào tủ bếp. N dí phần lưỡi dao ngang cổ chị H1 và nói : « *Mày có tin tao cho mày chết tại đây không* ». Chị H1 hoảng sợ hét lên thì N đặt dao xuống mặt bếp ga cạnh đó. N tiếp tục yêu cầu chị H1 đi ra ngoài nhưng chị H1 cương quyết không đồng ý. Quan sát thấy trên tay trái của H1 đang cầm chiếc điện thoại Iphone 6 plus, N nhanh chóng dùng cả hai tay giằng lấy điện thoại, chị H1 theo phản xạ dùng tay kéo lại, N dùng sức giật mạnh khiến chị H1 không thể giữ được

điện thoại. Sau khi lấy được điện thoại N đi ra ngoài đường, chị H1 đi theo yêu cầu N trả lại tài sản nhưng N không đồng ý và lấy xe máy bỏ đi. N đi đến quán Internet trên phố B2, quận Th, thành phố H để chơi game. Do hết tiền tiêu xài, N mang xe máy và điện thoại của mình đi cầm cố. Đến ngày 07/01/2020 do không có tiền N đã đặt chiếc điện thoại Iphone 6 Plus chiếm đoạt được của chị H1 cho anh Lê Minh T - sinh năm : 1982; trú tại : xã Ch, huyện V, tỉnh H2) làm nghề xe ôm Grab lấy số tiền 1.000.000 đồng. Số tiền trên N đã tiêu xài hết. (BL : 61-80)

Ngày 06/01/2020 chị Đào Lan H1 làm đơn trình báo gửi Công an phường L, quận B, thành phố H (BL : 82).

Tang vật thu giữ :

- 01 con dao, loại dao thái, dài khoảng 30cm, phần cán dao bằng nhựa màu đen, phần lưỡi dao bằng kim loại màu đen. (BL : 88)

- 01 điện thoại Iphone 6plus màu vàng trắng, Imei 352044078827385 đã qua sử dụng do anh Lê Minh T giao nộp. (BL : 108)

- 01 USB lưu trữ giữ liệu camera tại phòng bếp số nhà 24 ngõ 4 phố Q, phường L, quận B, thành phố H, tại thời điểm Trần Văn N thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chị H1 ngày 06/01/2020. (BL : 87)

Tại bản kết luận định giá tài sản số 05/KLĐG ngày 15/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND quận B kết luận:

- 01 (một) chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone6 Plus màu vàng trắng có số imeil: 3525044078827385 đã qua sử dụng. Trị giá là: 3.000.000 đồng (ba triệu đồng chẵn) (BL: 29)

« Chị Đào Lan H1 khai : Khoảng 19h40’ ngày 06/01/2020, chị H1 đang ngồi ăn tối ở phòng ăn tầng 1 nhà số 23 ngõ 4 phố Q, phường L thì nhìn thấy N (bạn trai cũ của chị H1 đi vào), N đi đến chỗ chị H1 đang ngồi và nói « *đi ra ngoài nói chuyện* », chị H1 nói « *Cái gì cần nói đã nói hết rồi, đi về đi* », ăn xong chị H1 đứng dậy mang bát ra chậu rửa bát, N cũng đi theo chị H1 và nói « *Đi ra ngoài nói chuyện, đừng lý với tao* », chị H1 quát «*không có gì để nó*i », N liền chộp lấy 01 con dao ở trên mặt bếp (loại dao thái thịt), ép chị H1 đứng sát vào tủ bếp, đồng thời dùng tay phải cầm dao kề ngang vào cổ chị H1 và nói « *Mày có tin tao cho mày chết tại đây không ?* », chị H1 sợ hãi ngã người về phía sau né tránh và hét lên, sau đó N bỏ dao xuống và đặt lên trên mặt bếp ga và tiếp tục nói « đi ra ngoài », chị H1 không đi ra ngoài, lúc này chị H1 đang cầm chiếc điện thoại Iphone6 Plus trong tay trái thì bất ngờ N dùng hai tay chộp lấy điện thoại và giật ra khỏi tay của chị H1. N cầm điện thoại đi ra khỏi cửa, chị H1 đi theo và nói

« giả lại điện thoại đây », N vẫn yêu cầu chị H1 đi ra ngoài, chị H1 không đi thì N lên xe máy bỏ đi. (BL : 90-95). »

Tại cơ quan điều tra, Trần Văn N đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung nêu trên, lời khai nhận tội của Trần Văn N phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan, hiện trường vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ.

Đối với anh Lê Minh T không biết chiếc điện thoại Iphone6 Plus N đặt là tài sản do phạm tội mà có, do vậy không có căn cứ để xử lý. Bà Bùi Thị Kim D (là mẹ đẻ của N) đã bồi thường cho anh T số tiền 1.000.000 đồng, anh T đã nhận số tiền trên và không có yêu cầu bồi thường về dân sự.

Tại bản cáo trạng số 90/CT-VKS ngày 13/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận B đã truy tố Trần Văn N về tội Cướp tài sản theo qui định tại điểm d, khoản 2, Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị Kim D trình bày: Bà là mẹ đẻ của bị cáo Trần Văn N. Bà đã thay bị cáo N bồi thường cho anh Lê Minh T số tiền 1.000.000đồng. Nay bà không yêu cầu N phải trả lại cho bà số tiền trên. Bà không có yêu cầu về dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B giữ quan điểm truy tố đối với bị cáo Trần Văn N theo tội danh và điều luật đã viện dẫn tại Cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đánh giá mức độ phạm tội, xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đã kết luận: Khoảng 19h40’ ngày 06/01/2020, tại số nhà 23/4 phố Q, phường L, quận B, thành phố H, Trần Văn N đã có hành vi dùng dao (loại dao thái thịt) kề ngang cổ chị Đào Lan H1 đe dọa, ép buộc chị H1 đi ra ngoài nhưng không được, sau đó N chiếm đoạt chiếc điện thoại Iphone6 plus màu vàng của chị H1 có trị giá 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm d, khoản 2, Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 47, Điều 38 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao bằng kim loại, màu đen, có dòng chữ “BUCK-I) trên lưỡi dao, dài khoảng 30cm; cán dao bằng nhựa màu đen theo biên bản bàn giao vật chứng số 121 ngày 26 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã khai tại cơ quan điều tra và lời nói sau cùng trước khi hội đồng xét xử vào nghị án bị cáo xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và qua tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận B, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận B, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, qua xét hỏi bị cáo Trần Văn N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, người liên quan, người làm chứng, biên bản bắt giữ người, tang vật thu giữ trong vụ án, kết luận định giá cùng các tài liệu có trong hồ sơ. Đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19h40’ ngày 06/01/2020, tại số nhà 23/4 phố Q, phường L, quận B, thành phố H, Trần Văn N đã có hành vi dùng dao (loại dao thái thịt) kề ngang cổ chị Đào Lan H1 đe dọa, ép buộc chị H1 đi ra ngoài nhưng không được. Hành vi dùng dao kề vào cổ chị H1 của bị cáo đã làm chị H1 sợ hãi và lâm vào tình trạng không thể chống cự được. Liên tiếp sau đó, bị cáo lại có hành vi giật chiếc điện thoại Iphone 6 plus của chị H1 trị giá 3.000.000đồng. Hành vi dùng dao uy hiếp nạn nhân của bị cáo và chiếm đoạt tài sản đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân quận B truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội : Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm khắc và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân: Bị cáo có một tiền sự đã hết thời hiệu và chưa có tiền án.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, thái độ ăn năn hối cải. Gia đình bị cáo đã thay bị cáo bồi thường cho người liên quan là anh Lê Minh Tuấn số tiền 1.000.000đ. Đây

là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Đào Lan H1 đã nhận lại tài sản, người liên quan là anh Lê Minh T đã nhận được tiền bồi thường là 1.000.000đồng. Bà Bùi Thị Kim D đã thay bị cáo bồi thường cho anh Lê Minh T số tiền 1.000.000đồng, bà không yêu cầu bị cáo phải trả lại tiền cho bà. Chị H1, anh T và bà D không yêu cầu bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao bằng kim loại, màu đen, có dòng chữ "BUCK-I) trên lưỡi dao, dài khoảng 30cm; cán dao bằng nhựa màu đen theo biên bản bàn giao vật chứng số 121 ngày 26 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các căn cứ, nhận định của Hội đồng xét xử,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: bị cáo **Trần Văn N** phạm tội "**Cướp tài sản"**.

[1] Về hình phạt: Căn cứ vào điểm d Khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự 2015, Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn N 07 (Bảy) năm tù giam**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/01/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điểm c, Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao bằng kim loại, màu đen, có dòng chữ "BUCK-I) trên lưỡi dao, dài khoảng 30cm; cán dao bằng nhựa màu đen theo biên bản bàn giao vật chứng số 121 ngày 26 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

[3] Về trách nhiệm dân sự : Không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo Trần Văn N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại là chị Đào Lan H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lê Minh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị Kim D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *TAND TP thành phố H;*
- *VKSND thành phố H;*
- *VKSND quận B;*
- *Công an quận B;*
- *Chi cục THADS quận B;*
- *Trại tạm giam số I thành phố H;*
- *UBND xã Ng, huyện B1, tỉnh H2*
- *Bị cáo;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Sen